

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất (trả tiền hàng năm)
dự án Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ tại
phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 về việc cho Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ Bình Định thuê đất để thực hiện dự án Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ tại phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1213/TTr-STNMT ngày 28/12/2020; ý kiến đề xuất của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Văn bản số 100/HĐTĐGD ngày 25/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất (trả tiền hàng năm) đối với dự án Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ tại phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Giá đất phi nông nghiệp (đất xây dựng công trình sự nghiệp có mục đích kinh doanh) được phê duyệt (đồng/m ²)
1	Đất xây dựng công trình	2.404,7	2.232.000
2	Đất cây xanh	1.327,4	2.232.000
3	Đất giao thông, sân bãi và HTKT	6.269,5	2.232.000
	Tổng cộng	10.001,6	

Điều 2. Đơn giá đất phi nông nghiệp cụ thể được phê duyệt tại Điều 1 để làm cơ sở cho cơ quan thuế tính tiền thuê đất hàng năm đối với dự án nêu trên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCT thành phố Quy Nhơn;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K17.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh